



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
(đã được soát xét)

A member of  International

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34



## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL (Tên cũ: Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 13/05/2016 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Chủ tịch	
Ông Phạm Công Dũng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đăng Tú	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2016
Ông Triệu Quang Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2016
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Ủy viên	
Ông Lê Thanh Hải	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 08/04/2016
Ông Vũ Khắc Hoàng	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 08/04/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Công Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Triệu Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 01/02/2016
Ông Nguyễn Bá Quang	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Thị Phương Hiền	Trưởng ban
Bà Lê Như Quỳnh	Thành viên
Bà Hà Thị Thu Hiền	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Công Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Số: 1635/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL được lập ngày 15 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

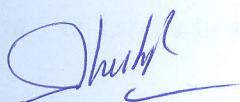
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>229.015.817.004</b>	<b>229.236.076.006</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.949.673.629	5.016.382.263
111	1. Tiền		9.949.673.629	5.016.382.263
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		<b>180.420.503.181</b>	<b>147.411.477.141</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	215.602.346.795	179.785.552.839
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.977.992.294	9.336.776.696
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.216.922.469	2.039.889.838
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(43.385.881.728)	(43.750.742.232)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		9.123.351	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	<b>35.223.780.482</b>	<b>74.077.717.948</b>
141	1. Hàng tồn kho		40.249.130.482	81.531.717.948
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.025.350.000)	(7.454.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		<b>3.421.859.712</b>	<b>2.730.498.654</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	66.844.215	26.122.491
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		179.426.508	2.704.376.163
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	3.175.588.989	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>27.221.919.515</b>	<b>29.230.657.130</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	40.000.000	40.000.000
220	II. Tài sản cố định		<b>19.745.364.721</b>	<b>21.811.762.330</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	19.227.593.721	21.280.491.330
222	- Nguyên giá		61.317.373.733	61.218.823.733
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.089.780.012)	(39.938.332.403)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	517.771.000	531.271.000
228	- Nguyên giá		2.454.012.340	2.454.012.340
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.936.241.340)	(1.922.741.340)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	<b>250.829.384</b>	<b>120.769.026</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		250.829.384	120.769.026
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	<b>6.106.940.941</b>	<b>6.106.940.941</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.920.600.000	11.920.600.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.813.659.059)	(5.813.659.059)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		<b>1.078.784.469</b>	<b>1.151.184.833</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.078.784.469	1.151.184.833
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>256.237.736.519</b>	<b>258.466.733.136</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>176.888.807.707</b>	<b>185.950.499.742</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		176.888.807.707	185.950.499.742
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	33.501.020.901	20.826.355.612
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.987.627.945	7.583.760.978
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	160.512.113	36.831.224
314	4. Phải trả người lao động		4.461.693.212	5.507.127.976
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	397.757.058	451.759.050
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	214.090.908	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.173.503.848	3.142.417.990
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	128.942.753.205	148.329.298.395
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		49.848.517	72.948.517
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>79.348.928.812</b>	<b>72.516.233.394</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	79.348.928.812	72.516.233.394
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		90.000.000.000	90.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.599.851.779	3.599.851.779
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(14.250.922.967)	(21.083.618.385)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(21.083.618.385)	(26.790.778.997)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		6.832.695.418	5.707.160.612
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>256.237.736.519</b>	<b>258.466.733.136</b>



Kiều Thị Thu Hương  
Người lập



Đặng Thị Yên  
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Công Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2016



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	808.636.579.947	1.305.858.608.169
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	3.595.719.306	312.050.757
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		805.040.860.641	1.305.546.557.412
11	4. Giá vốn hàng bán	23	773.120.356.114	1.248.208.362.209
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.920.504.527	57.338.195.203
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	8.874.225.030	10.015.646.331
22	7. Chi phí tài chính	25	4.925.807.011	7.413.332.515
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		3.955.174.640	7.079.685.220
25	8. Chi phí bán hàng	26	21.724.159.528	53.051.065.087
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	8.084.441.681	8.738.253.868
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.060.321.337	(1.848.809.936)
31	11. Thu nhập khác	28	825.250.281	6.024.402.794
32	12. Chi phí khác	29	52.876.200	1.170.742
40	13. Lợi nhuận khác		772.374.081	6.023.232.052
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.832.695.418	4.174.422.116
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	1.095.600.000
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.832.695.418	3.078.822.116
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	759	342

*Thuy*

Kiều Thị Thu Hương  
Người lập

*Đặng Thị Yến*

Đặng Thị Yến  
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Công Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.832.695.418	4.174.422.116
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.164.947.609	2.233.961.649
03	- Các khoản dự phòng		(2.793.510.504)	1.031.582.893
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(16.079.597)	(104.986.900)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.550.553)	-
06	- Chi phí lãi vay		3.955.174.640	7.079.685.220
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.122.677.013	14.414.664.978
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(33.294.804.870)	(92.637.818.517)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		41.282.587.466	59.117.994.477
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.451.134.744	145.318.336.045
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		31.678.640	(277.861.160)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.039.176.632)	(7.220.812.596)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.095.600.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.100.000)	(35.300.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		24.530.996.361	117.583.603.227
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(228.610.358)	(773.363.818)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.550.553	104.986.900
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(208.059.805)	(668.376.918)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		367.227.173.123	648.523.996.735
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(386.613.718.313)	(767.193.336.423)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.100.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(19.389.645.190)	(118.669.339.688)



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL (Tên cũ: Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 13/05/2016 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 90.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 90.000.000.000 đồng; tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là thương mại các sản phẩm ngành thép và một số vật liệu xây dựng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non; sản xuất than cốc;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Thép Hình	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Thép Chuyên dùng	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hà Nội	Kinh doanh thép
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thép
Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng	Hải Phòng	Kinh doanh thép

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo của các đơn vị thành viên và Văn phòng Công ty.

Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán .

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08	năm
- Quyền sử dụng đất	08 - 20	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán .

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



## **2.18 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	138.924.210	157.552.861
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.810.749.419	4.858.829.402
	<u><u>9.949.673.629</u></u>	<u><u>5.016.382.263</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2016	01/01/2016
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>11.920.600.000</b>	<b>11.920.600.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên	(5.813.659.059)	(5.813.659.059)
	(5.813.659.059)	(5.813.659.059)
	<b>11.920.600.000</b>	<b>11.920.600.000</b>
	<b>(5.813.659.059)</b>	<b>(5.813.659.059)</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên	Hưng Yên	42,14%	42,14%	Sản xuất và kinh doanh thép

Công ty hiện đang trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này dựa trên Báo cáo kiểm toán tại thời điểm 30/09/2014 để chuẩn bị cho việc thanh lý khoản đầu tư này. Từ đó đến nay, công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh thép Hưng Yên đã gần như ngừng hoạt động, Công ty không thu thập được các Báo cáo tài chính đến thời điểm kiểm toán.

Ban Tổng giám đốc Công ty nhận định có khả năng thu hồi được khoản đầu tư này nên không tiếp tục trích lập dự phòng căn cứ vào các tài liệu sau:

- Tờ trình số 948/TTr-HNS về việc bán tài sản Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thép Hưng Yên bán đầu giá tài sản của công ty Hưng Yên;
- Công văn số 1766/VNS-HDQT của Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP về việc chỉ đạo công tác thu hồi vốn của Công ty CP Kim khí Hà Nội tại Công ty thép Hưng Yên;
- Chứng thư thẩm định giá do Công ty Cổ phần Định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam phát hành tại thời điểm tháng 11/2015 của Lợi thế quyền thuê hạ tầng và tài sản trên đất của Nhà máy ống thép tại KCN Phôi Nổi của Công ty thép Hưng Yên để làm cơ sở cho giá bán đầu giá;
- Hợp đồng mua bán đầu giá tài sản số 05/2016/HĐMBTĐĐG-LV ngày 30/01/2016 giữa 03 bên: Công ty Cổ phần bán đầu giá Lạc Việt (Tổ chức bán đầu giá), Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thép Hưng Yên (Bên có tài sản) và Công ty Quản lý khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A (Bên mua tài sản bán đầu giá). Tài sản bán đầu giá là Lợi thế quyền thuê 67.784 m<sup>2</sup> hạ tầng khu công nghiệp và tài sản gắn liền với đất tại Khu công nghiệp phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, giá bán tài sản là 44,04 tỷ đồng, tài sản được chuyển giao chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng và thời hạn thanh toán từng lần theo quy định trên hợp đồng nhưng không quá 10 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH Một thành viên Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.694.084.700	17.759.072.100
- Công ty TNHH Khoáng Sản và Luyện kim Việt Trung	134.990.482.396	96.564.404.107
- Công Ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng	21.177.618.000	21.177.618.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	57.740.161.699	44.284.458.632
	<b>215.602.346.795</b>	<b>179.785.552.839</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.	<b>141.762.310.481</b>	<b>119.135.835.187</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Phú Thái Bình	1.365.939.900	-	-	-
Công ty Cổ phần Thép Đông Nam Á	856.811.228	(856.811.228)	2.856.811.228	(1.999.767.850)
Zheshang trading Co., Ltd	-	-	3.710.911.500	-
Trả trước cho người bán khác	3.755.241.166	-	2.769.053.968	-
	<b>5.977.992.294</b>	<b>(856.811.228)</b>	<b>9.336.776.696</b>	<b>(1.999.767.850)</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	29.353.466	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	9.835.531	-	14.637.391	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	36.784.197	-	11.222.508	-
Tạm ứng	596.478.092	-	444.375.688	-
Phải thu khác	1.573.824.649	(1.510.030.000)	1.540.300.785	(1.510.030.000)
	<b>2.216.922.469</b>	<b>(1.510.030.000)</b>	<b>2.039.889.838</b>	<b>(1.510.030.000)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	40.000.000	-
	<b>40.000.000</b>	<b>-</b>	<b>40.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	21.177.618.000	-	21.177.618.000	-
- Các khoản khác	22.516.496.842	308.233.114	24.539.394.101	1.966.269.869
	<b>43.694.114.842</b>	<b>308.233.114</b>	<b>45.717.012.101</b>	<b>1.966.269.869</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	40.249.130.482	(5.025.350.000)	72.158.215.824	(7.454.000.000)
Hàng gửi đi bán	-	-	9.373.502.124	-
	<b>40.249.130.482</b>	<b>(5.025.350.000)</b>	<b>81.531.717.948</b>	<b>(7.454.000.000)</b>

**10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	250.829.384	120.769.026
- Xây dựng kho kín tại Tổng kho kim khí số 1	130.060.358	-
- Dự án Đầu tư xây dựng nhà cao tầng tại 20 Tôn Thất Tùng	120.769.026	120.769.026
	<b>250.829.384</b>	<b>120.769.026</b>

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	53.542.062.369	2.087.715.758	5.589.045.606	61.218.823.733
- Mua trong kỳ	46.600.000	51.950.000	-	98.550.000
Số dư cuối kỳ	<b>53.588.662.369</b>	<b>2.139.665.758</b>	<b>5.589.045.606</b>	<b>61.317.373.733</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	34.723.892.608	951.077.000	4.263.362.795	39.938.332.403
- Khấu hao trong kỳ	1.849.115.591	111.425.248	190.906.770	2.151.447.609
Số dư cuối kỳ	<b>36.573.008.199</b>	<b>1.062.502.248</b>	<b>4.454.269.565</b>	<b>42.089.780.012</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	18.818.169.761	1.136.638.758	1.325.682.811	21.280.491.330
Tại ngày cuối kỳ	<b>17.015.654.170</b>	<b>1.077.163.510</b>	<b>1.134.776.041</b>	<b>19.227.593.721</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.060.821.033 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.837.735.979 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.219.012.340	235.000.000	2.454.012.340
Số dư cuối kỳ	<b>2.219.012.340</b>	<b>235.000.000</b>	<b>2.454.012.340</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.757.491.340	165.250.000	1.922.741.340
- Khấu hao trong kỳ	-	13.500.000	13.500.000
Số dư cuối kỳ	<b>1.757.491.340</b>	<b>178.750.000</b>	<b>1.936.241.340</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	461.521.000	69.750.000	531.271.000
Tại ngày cuối kỳ	<b>461.521.000</b>	<b>56.250.000</b>	<b>517.771.000</b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	66.844.215	26.122.491
	<b>66.844.215</b>	<b>26.122.491</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	318.022.122	409.590.243
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	677.814.542	612.154.010
Chi phí sửa chữa văn phòng	56.682.668	86.225.906
Chi phí trả trước dài hạn khác	26.265.137	43.214.674
	<b>1.078.784.469</b>	<b>1.151.184.833</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Liên doanh sản xuất thép VINAUSTEEL	6.207.580.488	6.207.580.488	4.046.451.007	4.046.451.007
Công ty Khai phát khoáng nghiệp Côn Gang Hà Khẩu	22.441.391.432	22.441.391.432	9.373.502.124	9.373.502.124
Phải trả các đối tượng khác	4.852.048.981	4.852.048.981	7.406.402.481	7.406.402.481
	<b>33.501.020.901</b>	<b>33.501.020.901</b>	<b>20.826.355.612</b>	<b>20.826.355.612</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.	6.819.903.518	6.819.903.518	6.178.712.677	6.178.712.677

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	11.301.570	-	13.064.574.800	12.936.871.607	-	139.004.763	-	-	-	139.004.763	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	233.329.749	2.003.013.516	1.769.683.767	-	-	-	1.769.683.767	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	14.914.000	-	36.457.524	29.864.174	-	21.507.350	-	-	-	21.507.350	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	10.615.654	-	8.423.025.139	9.839.546.015	1.405.905.222	-	-	-	1.405.905.222	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-	-	-	-	-	-
	-	<b>36.831.224</b>	-	<b>21.763.387.212</b>	<b>24.815.295.312</b>	<b>3.175.588.989</b>	<b>160.512.113</b>					

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

a) Ngân hạn	30/06/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
- Chi phí lãi vay	67.757.058		151.759.050	
- Trích trước chi phí giám định, giao nhận, vận chuyển hàng hóa	-		175.000.000	
- Chi phí phải trả khác	330.000.000		125.000.000	
	<b>397.757.058</b>		<b>451.759.050</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê văn phòng	214.090.908	-
	<u><u>214.090.908</u></u>	<u><u>-</u></u>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	23.880.318	23.880.318
- Kinh phí công đoàn	4.402.538	373.574
- Bảo hiểm xã hội	39.666.900	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	76.695.000	79.795.000
- Các khoản phải trả về Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	2.409.886.262	2.421.886.262
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	618.972.830	616.482.836
	<u><u>3.173.503.848</u></u>	<u><u>3.142.417.990</u></u>





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	01/01/2016		30/06/2016	
	Giá trị Số có khả năng trả nợ		Giảm	
	VND	VND	Tăng	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>148.329.298.395</b>	<b>148.329.298.395</b>	<b>367.227.173.123</b>	<b>128.942.753.205</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ba Đình (1)	84.411.145.148	84.411.145.148	145.777.984.919	60.048.328.846
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (2)	31.038.628.747	31.038.628.747	130.106.156.660	38.547.861.385
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (3)	32.879.524.500	32.879.524.500	91.343.031.544	30.346.562.974
	<b>148.329.298.395</b>	<b>148.329.298.395</b>	<b>367.227.173.123</b>	<b>128.942.753.205</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 822/2015-HĐTDHM/NHCT124-HNS ngày 28/09/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Từ 28/09/2015 đến hết ngày 31/08/2016, thời hạn tối đa của khế ước nhận nợ là 04 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định tại từng Khế ước nhận nợ, lãi suất đang áp dụng là 6,00%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp theo HĐ 01-08/HĐTCKK ngày 09/06/2008 tòa nhà làm việc 5 tầng tại 20 Tôn Thất Tùng và toàn bộ vật kiến trúc tại Tam Hiệp (Thanh Trì).
- (2) Hợp đồng tín dụng số 119/2015-HĐTDHM/NHCT126-HNS ngày 23/09/2015 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 28/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Từ 23/09/2015 đến hết ngày 31/08/2016, thời hạn tối đa của khế ước nhận nợ là 04 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định tại từng Khế ước nhận nợ, lãi suất đang áp dụng là 6,00%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp theo các hợp đồng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 73/2015-HĐTDHM/NHCT129-KIMKHIHANOI ngày 28/09/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Từ 28/09/2015 đến hết ngày 31/08/2016, thời hạn tối đa của khế ước nhận nợ là 04 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định tại từng Khế ước nhận nợ, lãi suất đang áp dụng là 6,00%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.



19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	3.599.851.779	(26.790.778.997)	66.809.072.782
Lãi trong kỳ trước	-	-	3.078.822.116	3.078.822.116
Số dư cuối kỳ trước	90.000.000.000	3.599.851.779	(23.711.956.881)	69.887.894.898
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	3.599.851.779	(21.083.618.385)	72.516.233.394
Lãi trong kỳ này	-	-	6.832.695.418	6.832.695.418
Số dư cuối kỳ nay	90.000.000.000	3.599.851.779	(14.250.922.967)	79.348.928.812

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	89,37%	80.431.500.000	89,37%	80.431.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10,63%	9.568.500.000	10,63%	9.568.500.000
	<u>100%</u>	<u>90.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>90.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	90.000.000.000	90.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	90.000.000.000	90.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.599.851.779	3.599.851.779
	<u>3.599.851.779</u>	<u>3.599.851.779</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.031,06	1.037,66

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	789.011.629.651	1.288.865.991.972
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.624.950.296	16.992.616.197
	<b>808.636.579.947</b>	<b>1.305.858.608.169</b>

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chiết khấu thương mại	363.060.847	42.642.824
Hàng bán bị trả lại	-	17.942.930
Giảm giá hàng bán	3.232.658.459	251.465.003
	<b>3.595.719.306</b>	<b>312.050.757</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	764.235.408.496	1.235.225.130.062
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.313.597.618	12.564.535.723
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.428.650.000)	418.696.424
	<b>773.120.356.114</b>	<b>1.248.208.362.209</b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	20.550.553	104.986.900
Lãi bán hàng trả chậm	8.477.675.818	9.894.771.227
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	359.919.062	15.888.204
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	16.079.597	-
	<b>8.874.225.030</b>	<b>10.015.646.331</b>

105 - C  
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI  
KẾ TOÁN  
TP. HÀ NỘI

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.955.174.640	7.079.685.220
Lãi mua hàng trả chậm	970.632.371	316.061.337
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	17.585.958
	<b>4.925.807.011</b>	<b>7.413.332.515</b>

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.473.489	28.974.579
Chi phí nhân công	6.150.130.098	5.016.852.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.221.490	39.355.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.190.771.924	47.697.578.387
Chi phí khác bằng tiền	282.562.527	268.304.787
	<b>21.724.159.528</b>	<b>53.051.065.087</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.145.884	234.541.612
Chi phí nhân công	4.176.678.281	2.287.879.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	400.982.413	724.948.850
Thuế, phí, lệ phí	290.283.471	910.411.662
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(364.860.504)	612.886.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.458.697.633	1.177.530.199
Chi phí khác bằng tiền	1.920.514.503	2.790.055.950
	<b>8.084.441.681</b>	<b>8.738.253.868</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thuế được giảm	-	493.579.966
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền góp vốn dự án	-	5.000.000.000
Thu nhập khác	825.250.281	530.822.828
	<b>825.250.281</b>	<b>6.024.402.794</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	51.903.657	-
Chi phí khác	972.543	1.170.742
	<b>52.876.200</b>	<b>1.170.742</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.832.695.418	(805.577.884)
Các khoản điều chỉnh tăng	51.903.657	-
- Chi phí không hợp lệ	51.903.657	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.884.599.075)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(6.884.599.075)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(805.577.884)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(1.095.600.000)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>-</b>	<b>(1.095.600.000)</b>
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	-	4.980.000.000
Thu nhập tính thuế TNDN	-	4.980.000.000
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.095.600.000</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản</b>	<b>-</b>	<b>1.095.600.000</b>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.095.600.000
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	6.832.695.418	3.078.822.116
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.832.695.418	3.078.822.116
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.000.000	9.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>759</b>	<b>342</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	257.619.373	263.516.191
Chi phí nhân công	10.326.808.379	7.304.731.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.164.947.609	764.304.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.032.111.277	49.367.675.588
Chi phí khác bằng tiền	10.705.572.693	14.172.488.243
	<b><u>41.487.059.331</u></b>	<b><u>71.872.715.332</u></b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.949.673.629	-	5.016.382.263	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	217.859.269.264	(42.529.070.500)	181.865.442.677	(41.750.974.373)
	<b><u>227.808.942.893</u></b>	<b><u>(42.529.070.500)</u></b>	<b><u>186.881.824.940</u></b>	<b><u>(41.750.974.373)</u></b>
			Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			128.942.753.205	148.329.298.395
Phải trả người bán, phải trả khác			36.674.524.749	23.968.773.602
Chi phí phải trả			397.757.058	451.759.050
			<b><u>166.015.035.012</u></b>	<b><u>172.749.831.047</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.949.673.629	-	-	9.949.673.629
Phải thu khách hàng, phải thu khác	175.290.198.764	40.000.000	-	175.330.198.764
	<b>185.239.872.393</b>	<b>40.000.000</b>	<b>-</b>	<b>185.279.872.393</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.016.382.263	-	-	5.016.382.263
Phải thu khách hàng, phải thu khác	140.074.468.305	40.000.000	-	140.114.468.305
	<b>145.090.850.568</b>	<b>40.000.000</b>	<b>-</b>	<b>145.130.850.568</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Vay và nợ	128.942.753.205	-	-	128.942.753.205
Phải trả người bán, phải trả khác	36.674.524.749	-	-	36.674.524.749
Chi phí phải trả	397.757.058	-	-	397.757.058
	<b>166.015.035.012</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>166.015.035.012</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	148.329.298.395	-	-	148.329.298.395
Phải trả người bán, phải trả khác	23.968.773.602	-	-	23.968.773.602
Chi phí phải trả	451.759.050	-	-	451.759.050
	<b>172.749.831.047</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>172.749.831.047</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động bán hàng và hoạt động cung cấp dịch vụ diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên hoạt động bán hàng chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ hoạt động của toàn Công ty, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2016	2015
		VND	VND
<b>Cung cấp hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>367.757.300.709</b>	-
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	(2)	58.495.268.800	-
Công ty TNHH Một thành viên Thép Miền Nam - Vnsteel	(2)	78.737.407.000	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Tổng Công ty	10.909.090	-
Công ty Liên doanh sản xuất thép VINAUSTEEL	(3)	98.468.215.400	-
Công ty TNHH Khoáng sản & luyện kim Việt trung	(3)	106.208.122.169	-
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	(3)	25.837.378.250	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>209.841.663.085</b>	<b>318.052.182.130</b>
Công ty TNHH Khoáng sản & luyện kim Việt trung	(3)	93.911.716.000	302.198.199.500
Công ty CP thép Biên Hòa Vicasa	(2)	-	749.906.680
Công ty TNHH ống thép Việt Nam	(3)	4.078.855.000	2.543.530.000
Công ty CP lưới thép Bình Tây	(3)	-	140.773.500
Công ty Liên doanh sản xuất thép VINAUSTEEL	(3)	194.667.248.205	285.653.969.020
Công ty TNHH thép VSC-POSCO	(3)	9.008.242.180	31.471.837.110
Công ty TNHH thép Natsteelvina	(3)	165.246.300	926.376.000
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	(2)	6.000.926.400	-
<b>Lãi chậm trả được hưởng</b>		<b>4.891.307.423</b>	<b>11.569.743.452</b>
Công ty TNHH Khoáng sản & Luyện kim Việt Trung	(3)	4.891.307.423	11.569.743.452

05  
TY  
HỮU  
M T  
30  
TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>143.365.625.161</b>	<b>119.135.835.187</b>
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	(3)	134.990.482.396	96.564.404.107
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	(2)	1.886.087.995	4.748.180.580
Công ty TNHH Một thành viên Thép Miền Nam - Vnsteel	(2)	1.694.084.700	17.823.250.500
Công ty cổ phần Thép Đà Nẵng	(3)	4.794.970.070	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>6.819.903.518</b>	<b>6.178.712.677</b>
Công ty Liên doanh sản xuất thép VINAUSTEEL	(3)	6.207.580.488	4.046.451.007
Công ty TNHH Thép VSC-POSCO	(3)	52.552.830	462.873.070
Công ty TNHH Ống Thép Việt Nam	(3)	559.770.200	1.669.388.600
<b>Phải trả khác</b>		<b>2.409.886.262</b>	<b>2.421.886.262</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Tổng Công ty	2.409.886.262	2.421.886.262

(1): Đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần.

(2): Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần.

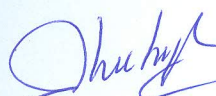
(3): Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần.


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	839.645.000	449.735.000

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

  
 Kiều Thị Thu Hương  
 Người lập

  
 Đặng Thị Yến  
 Trưởng phòng Tài chính kế toán

  
 Phạm Công Dũng  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2016